

I

QUAN ĐIỂM CỦA CÁC NHÀ KINH TẾ VỀ NHỮNG NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH SỰ HÌNH THÀNH GIÁ CẢ

Giá cả tác động đến nhiều mặt của đời sống kinh tế-xã hội, tham gia vào việc phân phối các nguồn tiềm lực của nền sản xuất; kích thích mở rộng hoặc thu hẹp quy mô sản xuất, tiêu dùng, cung-cung và dung lượng thị trường. Và sự hình thành giá cả với những quan điểm về giá cả cũng đa dạng như chính những chức năng của nó vậy.

• *Thuyết "giá cả công bằng"* là huyết mạch địa vị đặc biệt trong hệ tư tưởng kinh tế thời Trung cổ. Theo thuyết này thì, thứ nhất, khi nói "giá cả công bằng" là ý nói giá cả trung bình, nói trao đổi ngang giá; thứ hai, giá cả công bằng" được giải thích căn cứ vào ích lợi của mỗi đẳng cấp. Mỗi đẳng cấp có một "giá cả công bằng" khác nhau về cùng một loại hàng hóa. Ở đây người ta muốn chứng minh tính hợp pháp của hiện tượng: một hàng hóa như nhau được trả bằng số lượng tiền khác nhau theo sự phân biệt đẳng cấp.

Điểm đáng chú ý trong thời kỳ Trung cổ, cơ sở của "giá cả công bằng" là giá cả có định mức. Thời kỳ này việc định mức giá cả được áp dụng rộng rãi. Chỉ đó có giá cả thống nhất cho các sản phẩm nhất định nên người sản xuất không có quyền bán thấp hơn giá cả quy định. Đó là do sự cạnh tranh. Đối với thương nhân thì quy định giá cả cao nhất và giá cả trung bình. Người bán cần phải bán theo giá cả trung bình, giá cả này có thể lên xuống nhưng chỉ trong giới hạn giữa giá cả cao nhất và giá cả thấp nhất.

Thuyết "giá cả công bằng" rõ ràng phản ánh sự phát triển yếu ớt của cơ chế thị trường và quan hệ hàng hóa - tiền tệ trong nền kinh tế lúc bấy giờ.

• *Theo quan điểm lý luận giá trị-lao động*, giá cả là sự biểu hiện bằng tiền của giá trị. Và nguồn gốc của giá trị là lao động, cụ thể hơn đó là lao động trừu tượng của người sản xuất hàng hóa. Lượng giá trị của hàng hóa tỷ lệ thuận với lượng lao động hao phí kết tinh trong hàng hóa. Quan điểm này cũng chỉ ra rằng, giá cả xoay quanh giá trị, lúc cao hơn, lúc thấp hơn giá trị, nhưng tổng giá cả thì bằng tổng giá trị.

• *Quan điểm thứ ba, xem xét phạm trù giá trị trên cơ sở chi phí sản xuất.* Theo quan điểm này, những yếu tố nào tham gia vào quá trình tạo ra hàng hóa thì những yếu tố đó cũng tham gia vào việc tạo ra giá trị và do vậy là cơ sở hình thành giá cả. Vì vậy, đối với người sản xuất thì không phải câu trên thị trường quyết định lượng cung mà chính chi phí sản xuất và giá bán quyết

CHỦ ĐỀ

định lượng cung hàng hóa của họ. Nói cách khác, giá cả của những yếu tố đầu vào là cơ sở quyết định sản lượng và giá cả của những yếu tố đầu ra.

Gần gũi với quan điểm này là lý luận giá trị-chủ quan. Có hai luận điểm cần lưu ý trong nội dung của lý thuyết này. Đó là, thứ nhất, giá trị của vật phẩm do ích lợi của nó đối với nhu cầu cụ thể quyết định. Như vậy, nếu ích lợi hay công dụng của hàng hóa càng cao thì giá trị và theo đó giá cả càng lớn và ngược lại. Thứ hai, số lượng của một loại vật phẩm càng tăng lên đòi hỏi nhu cầu đối với loại vật phẩm đó càng trở nên ít cấp thiết. Và giá trị, theo đó là giá cả của loại vật phẩm đó cũng giảm xuống.

A. Marshall cho rằng, giá cả là hình thức của quan hệ số lượng mà trong đó hàng hóa và tiền tệ được trao đổi. Theo ông, giá cả được hình thành theo người mua và theo người bán. Với người mua, giá cả được quyết định bởi "ích lợi giới hạn" của hàng hóa. Với người bán, giá cả được quyết định bởi chi phí sản xuất. Giá cả thị trường là kết quả của sự va chạm giữa giá cả của người mua và giá cả của người bán. Tức là sự va chạm giữa cung - cầu, sự va chạm này sau một quá trình dao động sẽ hình thành nên giá cả cân bằng, là mức giá mà tại đó số lượng hàng hóa người bán sẵn sàng bán bằng số lượng hàng hóa người mua

sẵn sàng mua.

Nghiên cứu sự vận động của giá cả trong mối quan hệ vận động của cung cầu được *trường phái chính hiện đại* tiếp tục phát triển ở tất cả các loại hàng hóa trên hai thị trường đầu vào và thị trường đầu ra, thông qua hai lực lượng tác động lẫn nhau trên hai thị trường đó là hộ gia đình và doanh nghiệp. Nhấn mạnh giá cả phụ thuộc vào quan hệ cung-cầu theo nguyên tắc cung lớn hơn cầu thì giá cả giảm xuống, ngược lại cầu lớn hơn cung thì giá cả hàng hóa tăng lên. Trường phái chính hiện đại còn chứng minh rằng, giá cả hàng hóa không chỉ phụ thuộc vào cung-cầu hàng hóa mà còn phụ thuộc vào những nhân tố ảnh hưởng đến cung-cầu và sức mua của đồng tiền. Khi lượng tiền trong lưu thông tăng lên thì giá trị của một đơn vị tiền tệ giảm xuống, do vậy giá cả hàng hóa tăng lên. Ngược lại khi lượng tiền trong lưu thông giảm xuống thì giá trị một đơn vị tiền tệ tăng lên và do vậy giá cả hàng hóa giảm xuống.

Qua đó, ta thấy giá cả hàng hóa phụ thuộc vào nhiều nhân tố như: giá trị (với nhiều góc độ xem xét khác nhau của vấn đề này), quan hệ cung-cầu, sức mua của đồng tiền... Có lẽ vì vậy mà trong lý thuyết về giá cả thị trường, Leon Walras đã cho rằng, trao đổi là một sự kiện xã hội, một sự kiện khách quan. Do đó, lý thuyết giá cả là trọng tâm của kinh tế học.

II

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC HÌNH THÀNH GIÁ CẢ

Thực hiện chức năng kinh tế của mình, các nhà nước khác nhau tham gia và tác động vào việc hình thành giá cả bằng hai cách thức cơ bản sau:

1. Định mức hoặc kế hoạch giá cả

Quản lý giá cả theo phương thức này thường gắn liền với nền kinh tế tập trung bao cấp và sự chia cắt cát cứ thị

PTS ĐÌNH SƠN HÙNG



PHÁT TRIỂN KINH TẾ 3

GIÁ CẢ VÀ VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC



trường như chia thị trường thành thị trường có tổ chức và thị trường không có tổ chức. Việc phân chia thị trường như vậy đưa đến chỗ dùng mệnh lệnh hành chính để thiết lập sự độc quyền của nhà nước và của khu vực kinh tế nhà nước, cấm hoặc hạn chế các thành phần kinh tế khác kinh doanh. Điều đó dẫn đến kết quả tạo ra sự chênh lệch giá giả tạo, tạo cơ hội cho việc làm ăn bất chính ngay cả trong thị trường có tổ chức, làm cho thị trường và giá cả rối loạn. Và hệ quả cuối cùng là kìm hãm sự phát triển kinh tế.

2. Cơ chế giá cả trong nền kinh tế thị trường

Giá cả là yếu tố cơ bản, là một trong bốn biến số quan trọng của Marketing-Mix (tạm dịch *phối thức tiếp thị*), nó đóng vai trò quyết định trong việc mua hàng này hay hàng khác đối với người tiêu dùng.

Với doanh nghiệp, giá cả có vị trí đặc biệt trong quá trình tái sản xuất. Vì nó là khâu cuối cùng và thể hiện kết quả của các khâu khác, là tín hiệu chỉ ra sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai.

Thị trường tác động đến quá trình tái sản xuất chủ yếu thông qua giá cả. Và giá cả cũng là công cụ đặc biệt để cạnh tranh trên thị trường, là điểm gặp nhau giữa người bán với người bán, người mua với người mua và giữa người bán với người mua.

Nói cách khác, trong nền kinh tế thị trường, những hoạt động trao đổi và cơ chế hình thành giá cả chịu sự tác động trực tiếp của các quy luật kinh tế thị trường. Cơ chế hình thành giá cả như vậy là nội dung quan trọng để thực hiện hạch toán kinh tế, tự chủ trong sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo những điều kiện cho nền kinh tế phát triển năng động, linh hoạt và có hiệu quả.

Ở đây, nhà nước có thể can thiệp vào sự hình thành giá cả thông qua:

- Tác động vào cung, bằng cách hạn chế cung như tăng thuế, tăng lãi suất, có yêu cầu cao về an toàn lao động, ô nhiễm, kỹ thuật... Nghĩa là tác động vào những nhân tố ảnh hưởng đến cung theo hướng làm tăng chi phí

sản xuất. Nếu thực hiện những biện pháp ngược lại sẽ làm giảm chi phí sản xuất và tăng cung.

- Kích thích cân bằng việc thực hiện các chính sách làm tăng thu nhập, chế tạo ra những sản phẩm mới, mua các lượng hàng hóa dư thừa, trợ cấp đối với cung. Như vậy sẽ đảm bảo cho giá cả ổn định, làm tăng cầu.

- Nhà nước, tỉnh (thành) có chiến lược đầu tư để dẫn đến như J.M. Keynes nói, làm tăng "cầu hiệu quả". Qua đó tác động đến sản lượng và giá cả.

- Thực hiện chính sách tỷ giá hối đoái linh hoạt.

- Trong điều kiện nước ta khi hệ thống luật pháp chưa đồng bộ và đầy đủ, cơ chế thị trường nhìn chung hoạt động còn yếu, ngân sách trung ương cũng như địa phương eo hẹp, nền kinh tế lại đang trong quá trình chuyển đổi cơ chế thì việc tác động đến cung cầu nhằm ổn định giá cả thông qua những công cụ thuế, lãi suất... như trên gặp rất nhiều khó khăn khi phải đối phó với sự đột biến của giá cả. Vì vậy để đối phó hữu hiệu với sự đột biến của giá cả, thực hiện ổn định giá, kinh nghiệm các nước cho thấy rằng ta cần thiết tất yếu phải xây dựng "Quỹ bình ổn giá cả" ở cấp trung ương và địa phương (tỉnh, thành).

Quỹ này được hình thành và sử dụng chủ yếu trên cơ sở điều tiết một phần lợi nhuận siêu ngạch của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng xuất nhập khẩu.

Tóm lại, trên cơ sở vận dụng có hiệu quả các quy luật của kinh tế thị trường, nhà nước thực hiện các chính sách tài chính, tiền tệ, đầu tư và Quỹ bình ổn giá cả để không chỉ tác động đến cung cầu, sự hình thành giá cả mà còn qua đó để điều tiết kinh tế vĩ mô, làm cho giá cả tác động tích cực đến đời sống kinh tế-xã hội của đất nước.

Tài liệu tham khảo

- Lịch sử các học thuyết kinh tế
- P.A. Samuelson và W Nordhaus, *Kinh tế học*.
- Vũ Thế Phú, *Marketing căn bản*.
- Ban vật giá chính phủ, *Báo cáo công tác giá năm 1992 và phương hướng nhiệm vụ công tác giá năm 1993*.



ơ cấu giá cả các nước kém mở mang và các nước phát triển có điểm khác biệt chính là ở giá tiền công. Về giá tiền công có ảnh hưởng quyết định

trên giá hàng hoá và dịch vụ.

I. GIÁ HÀNG TRÊN CÁC NƯỚC

Tiền công là phí chính làm nên hàng hoá, nên các doanh nhân dù thay thế nhân công.

Ngành dệt nhĩ (các ngành công nghiệp chế biến): các nước tiên tiến lệ các nhà máy cực lớn, tự động tại các cảng ven biển, đầu vào nạp nguyên liệu, đầu ra thu sản phẩm đã đóng gói, giữ là các băng tải và máy công tác với hệ thống điều hành tự động bằng các chương trình cài trong máy vi tính nên chi cần rất ít nhân công. Chất lượng hàng cực cao, giá rẻ vì sản xuất hàng loạt và tiền công ít so với lối sản xuất bằng tay, chỉ dùng một số máy giả đơn như ở nước ta. Vì vậy hàng công nghiệp vừa có nhiều, vừa giá rẻ tại các nước công nghiệp, tỷ như hầu hết các gia đình tại Mỹ đều có khả năng mua xe hơi, TV, tủ lạnh, máy vi tính, cò tại Việt nam những thứ này vừa hiếm (cả nước trên 70 triệu dân chỉ có ít xe hơi có lẽ toàn quốc chưa có 50.000 chiếc mà chủ yếu là của nhà nước), vừa giá rất đắt so với tiền công: công nhân phải dành hàng chục năm tiền lương như chưa chắc đủ để mua 1 xe hơi. Lý do VN chưa sản xuất được xe hơi, chỉ mua lắp ráp- phải nhập từ ngoại quốc, nhà nước đánh thuế cao để hạn chế việc nhập xe v.v...

Ngành dệt nhĩ nhất (nông lâm khoáng sản ngư nghiệp). Năng suất tùy thuộc nơi khí hậu, sự hào phóng của thiên nhiên (như sản lượng các mỏ dầu ít hay nhiều tùy theo trữ lượng giàu hay nghèo), nên máy chỉ có tác dụng giảm nhân công hạn chế. Tuy nhiên sự khác biệt giữa năng suất các nước cũng đáng kể: các nước phát triển chỉ khoảng 5% dân số sống về nghề nông và 5% số dân này thành công trong việc cung cấp thức ăn ngon, bổ dưỡng cho 95% dân số còn lại, còn ở nước ta thì trên 70% dân số sống về nghề nông và trên 70% này chỉ nuôi được dưới 30% thị dân với bữa ăn đạm bạc, chưa có thịt cá, rau và trái cây. Chính vì nhờ khác biệt về năng suất trên đây mà nhiều nước công nghiệp cũng là nước xuất nông khoáng sản, như Mỹ là nước xuất gạo và than đá. Vì vậy, giá nông khoáng sản rẻ và bấp bênh, bán cứ như cho.

Ngành dệt tam hay dịch vụ (học, tóc, tài xế, ngân hàng, thương mại chuyên chở, xây cất...). Máy móc khác học chỉ có tác dụng ít trên ngành dịch vụ. Do đó tại Mỹ giá dịch vụ rẻ cao, như hớt tóc phải trên 5 USD/đàn ông, mà không có tầm quắt, cạo